

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Yêu cầu nhân sự chủ chốt: Không

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Bảng kê nêu rõ và đầy đủ các hàng hóa sử dụng cho gói thầu (bao gồm: Tên vật tư, nhãn hiệu, nhà cung cấp và nhà sản xuất) phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V.	Có nêu rõ và đầy đủ các hàng hóa sử dụng cho gói thầu (bao gồm: Tên hàng hóa, nhãn hiệu, nhà cung cấp và nhà sản xuất) phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V.	Đạt
	Không nêu (hoặc chưa rõ và đầy đủ) các hàng hóa sử dụng cho gói thầu (bao gồm: Tên vật tư, nhãn hiệu, nhà cung cấp và nhà sản xuất) phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V.	Không đạt
1.2. Hàng hóa mới 100%	Có cam kết hàng hóa cung cấp mới 100% và sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.	Đạt
	Không có cam kết hàng hóa cung cấp đáp ứng yêu cầu (không mới 100% và sản xuất từ năm 2025 trở lại đây).	Không đạt
Kết luận	<i>Cả 02 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Có ≥ 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

2. Khả năng cung cấp hàng hóa cho gói thầu, Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa;

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Khả năng cung cấp hàng	Có hợp đồng nguyên tắc hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác của hãng	

hóa cho gói thầu	sản xuất hàng hóa, cung cấp hàng hóa cho gói thầu. Có xác nhận thông số của sản phẩm cung cấp và có cam kết không có các nguy hại ảnh hưởng trong quá trình sử dụng. Hoặc nếu hàng hóa do nhà thầu tự sản xuất thì nhà thầu phải có tài liệu chứng minh gồm: Hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung ứng nguyên vật liệu (kèm theo chứng nhận, xuất xứ của nhà sản xuất), hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng	
	Không có hợp đồng nguyên tắc cung cấp hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác của hãng sản xuất hàng hóa cung cấp cho gói thầu. Không có xác nhận thông số của thiết bị cung cấp và không có cam kết không có các phần mềm nguy hại ảnh hưởng trong qua trình sử dụng. Đối với hàng hóa tự sản xuất được không có tài liệu chứng minh.	
Tính hợp lý của các giải pháp tổ chức cung cấp hàng hoá.	Có giải pháp kỹ thuật, quy trình đặt hàng, nhập hàng, bảo quản, vận chuyển.	Đạt
	Không có giải pháp kỹ thuật, quy trình đặt hàng, nhập hàng, bảo quản, vận chuyển.	Không đạt
Kết luận	<i>Cả 02 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Có ≥ 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

3. Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (≤ 30 ngày)	Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa và thuyết minh tiến độ hợp lý, khả thi và phù hợp với giải pháp kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và tổng tiến độ không vượt thời gian theo quy định của E-HSMT (≤ 30 ngày)	Đạt
	Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, thời gian thi công vượt so với yêu cầu của E-	Không đạt

	HSMT (>30 ngày)	
Kết luận	<i>Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

4. Bảo hành, bảo trì và chuyển giao công nghệ

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Bảo hành và cung cấp dịch vụ sau bán hàng	Có giải pháp cung cấp các dịch vụ bảo hành. Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng;	Đạt
	Không có giải pháp cung cấp các dịch vụ bảo hành. Thời gian bảo hành < 12 tháng;	Không đạt
Kết luận	<i>Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt..</i>	Không đạt

5. Đáp ứng yêu cầu khác

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Yêu cầu khác	Nhà thầu cam kết đáp ứng yêu cầu khác tại mục 3, Chương V, E-HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu khác.	Không đạt
Kết luận	<i>Tiêu chuẩn được xác định là đạt</i>	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn được xác định là không đạt</i>	Không đạt

6. Uy tín của nhà thầu

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm đóng thầu.	Nhà thầu Không vi phạm về uy tín và có cam kết kèm theo hoặc Nhà thầu vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu nhưng đã thực hiện đảm bảo dự thầu theo quy định.	Đạt
	Không có cam kết hoặc Nhà thầu vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu nhưng không thực thực hiện đảm bảo dự thầu theo quy định.	Không đạt
Kết luận	<i>Tiêu chuẩn được xác định là đạt</i>	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn được xác định là không đạt</i>	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.